TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 162/2018/QĐST–HNGĐ	*Tân Phú Đông, ngày 07 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 142/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mộng T , sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp Bà T2, xã Phú T 1, huyện A, tỉnh B

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp Bà T2, xã Phú T 1, huyện A, tỉnh B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đọa đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Mộng T và anh Nguyễn Văn C .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Về con chung:*

Chị Lê Thị Mộng T và anh Nguyễn Văn C thỏa thuận giao cháu Nguyễn Lê Tường V , sinh ngày 31/3/2012 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Lê Duy K , sinh ngày 19/3/2016 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị T , anh C được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T , anh C và các thành viên trong gia đình chị Trinh, anh Cảnh không được ngăn cản.

* *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị T , anh C chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản chung:* anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về nợ chung:* anh, chị xác định không có nợ chung.

* *Về án phí:*

Chị Lê Thị Mộng T tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 48925 ngày 26/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Như vậy, chị T được hoàn lại 150.000 đồng.

Anh C không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Chị T, anh C ;
- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã Phú T2;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Ngọc H.